

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 - 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Hoàng và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 15/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hàng Bách H, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: 2 P, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Lê Thị Hồng H1, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: 2 P, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn anh Hàng Bách H trình bày: Qua tự nguyện yêu thương và tìm hiểu đi đến hôn nhân với chị Lê Thị Hồng H1 vào năm 2005 tại UBND phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do định hướng cuộc sống không còn chung, quan điểm sống khác nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tình trạng này đã xảy ra trong thời gian dài, vợ chồng đã cố gắng sống hoà hợp với nhau, để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng càng về sau, mâu thuẫn giữa hai bên đã lớn đến mức không thể chung sống cùng nhau. Nay anh H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hàn Đức H2, sinh năm 2005 và cháu Hàn Gia M, sinh 2009. Cháu Hoàng N đã trưởng thành, tự lao động và kiếm sống

nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu M thì tùy nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì anh cũng chấp nhận. Trường hợp cháu ở với anh thì anh cũng không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu ở với mẹ thì anh cũng sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trong khả năng của mình.

***Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H yêu cầu không hoà giải nữa vì khi nhận giấy triệu tập của Tòa án thì anh đều báo cho chị H1 biết, Tòa cũng gửi giấy về chị H1 đều nhận được nhưng không xuống Tòa. Do đó, anh H yêu cầu Tòa không hoà giải nữa vì tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Yêu cầu giải quyết ly hôn cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

***Bị đơn chị Lê Thị Hồng H1 vắng mặt nên không có trình bày:**

Tại Biên bản xác minh tại Công an phường A1, thành phố T, Phú Yên xác định chị Lê Thị Hồng H1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ 2 P, Phường A, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, chị H1 không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn H1, chấp nhận giao con chung là cháu Hàn Gia M, sinh ngày 15/8/2009 cho bị đơn H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho cháu M cho đến khi cháu M trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung Hàn Gia M, sinh ngày 15/8/2009 cho bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn Hy có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi phát sinh một trong những điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Hàng Bách Hy yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Lê Thị Hồng H1 có địa chỉ tại 2 P, Phường A, thành

phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thị Hồng H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Hàng Bách H và bị đơn Lê Thị Hồng H1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 28/01/2005, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, nhiều lần xung đột, kinh cãi lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng bí bách, không có cách giải quyết ôn hoà để duy trì cuộc sống vợ chồng. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn và bị đơn không còn tiếng nói đồng cảm, sẽ chia cuộc sống vợ chồng, mạnh ai nấy sống không quan tâm, thương yêu chăm sóc với nhau, không còn tình thương, sự tôn trọng, cảm thông của vợ chồng dành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Hàn Quốc H2, sinh năm 2005 và cháu Hàn Gia M, sinh năm 2009. Cháu H2 đã thành niên, tự lo cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Hàn Gia M, sinh năm 2009, có nguyện vọng ở với mẹ và thực tế đang ở với mẹ. Nguyên đơn đồng ý giao cháu M cho mẹ nuôi. Tuy bị đơn H1 không đến toà trình bày ý kiến về việc nuôi con nhưng khi toà án tổng đạt các văn bản tố tụng thì bị đơn H1 đều nhận được, tại bản nguyện vọng của cháu M thì chị H1 cũng ký xác nhận việc cháu M tự nguyện ở với mẹ. Xét để cháu M ổn định về môi trường, chỗ sinh sống và học tập, phù hợp với nguyện vọng của cháu thì hội đồng xét xử xét giao cháu M cho bị đơn H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý giao con chung là cháu Hàn Gia M cho mẹ ruột là chị Lê Thị Hồng H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn chấp nhận cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Xét phù hợp nên chấp nhận, buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hàng Bách Hy được ly hôn với bị đơn Lê Thị Hồng H1.

2. *Về con chung*: Giao con chung Hàn Gia M, sinh năm 2009 cho mẹ ruột là chị Lê Thị Hồng H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn Hàng Bách Hy có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/02/2025 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Hàng Bách H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí liên quan đến cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002948 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND P. 1 (số 11/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên